

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2023/DS-ST
Ngày 12-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lộc;
- Ông Lê Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 100/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2289/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1966. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Văn C: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Theo Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 30/6/2023). (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị T và vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C có mối quan hệ quen biết và là người cùng ở địa phương.

Khoảng tháng 5 năm 2020, chị Nguyễn Thị H đứng ra tổ chức chơi hụi, bà T là người tham gia góp hụi. Trong thời gian bà T góp hụi nhưng chưa được lĩnh hụi thì chị Nguyễn Thị H không tiếp tục tổ chức chơi hụi và cũng không trả lại tiền góp hụi cho bà T. Đến ngày 07/3/2022, bà T và vợ chồng chị H, anh C đối chiếu thì vợ chồng chị H, anh C còn nợ của bà T số tiền góp hụi là 149.300.000 đồng, nên vợ chồng chị H, anh C viết giấy mượn tiền ngày 07/3/2022. Từ ngày 07/3/2022 đến nay vợ chồng chị H, anh C đã trả được số tiền 7.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 141.800.000 đồng. Bà T yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C trả số tiền 141.800.000 (*Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm nghìn*) đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H và cũng là người đại diện của bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2020, chị H có đứng ra tổ chức chơi hụi, bà T là thành viên góp hụi. Sau một thời gian thì chị H không tiếp tục tổ chức chơi hụi và cũng không chi trả số tiền góp hụi cho bà T. Vào ngày 07/3/2022, các bên đối chiếu số tiền bà T đã góp hụi với chị H, nên ngày 07/3/2022, vợ chồng chị H, anh C viết giấy mượn của bà T số tiền 149.300.000 đồng.

Chị H xác định chữ viết, chữ ký trong “Giấy mượn tiền ngày 07/3/2022” do bà T cung cấp cho Tòa án là chữ viết, chữ ký của chị H; chữ ký “Nguyễn Văn C” là của chồng chị H (anh Nguyễn Văn C) ký, việc viết giấy mượn tiền và ký vào giấy mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện.

Từ ngày 07/3/2022 đến nay vợ chồng chị H đã trả cho bà T được số tiền 7.500.000 đồng. Hiện nay, vợ chồng chị H, anh C còn nợ của bà T số tiền góp hụi là 141.800.000 (*Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm nghìn*) đồng. Chị H đồng ý vợ chồng trả số tiền còn nợ trên cho bà T nhưng do điều kiện khó khăn xin trả dần mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu g nguyên ý kiến, yêu cầu nói trên;

Bị đơn chị Nguyễn Thị H và cũng là người đại diện của bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hội” và bị đơn cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 274, 278, 280, 471 của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 141.800.000 (*Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm nghìn*) đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi, nên không xét. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hội” và người bị kiện cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn chị Nguyễn Thị H và cũng là người đại diện của bị đơn anh Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Căn cứ vào các lời khai của bà Nguyễn Thị T và vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C cùng với tài liệu, chứng cứ là giấy mượn tiền lập ngày 07/3/2022 do bà Nguyễn Thị T đã cung cấp, có cơ sở xác định:

Giữa bà Nguyễn Thị T và vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C có mối quan hệ quen biết và là người cùng ở địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị H xác định thống nhất: Khoảng tháng 5/2020, chị Nguyễn Thị H đứng ra tổ chức chơi hội, bà T là thành viên góp hội. Sau khi đứng ra tổ chức chơi hội được một thời gian thì chị H không tiếp tục tổ chức chơi hội và cũng không trả lại tiền góp hội cho

bà T. Ngày 07/3/2022, chị H và bà T đã đối chiếu số tiền bà T góp hụi và vợ chồng chị H, anh C xác nhận số tiền góp hụi của bà T là 149.300.000 đồng, nên vợ chồng chị H, anh C viết giấy mượn tiền. Đến nay vợ chồng chị H, anh C đã trả cho bà T được số tiền 7.500.000 đồng, còn nợ số tiền là 141.800.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C nợ tiền góp hụi của bà Nguyễn Thị T là 141.800.000 (*Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm nghìn*) đồng.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ của bà Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C trả số tiền 141.800.000 đồng. Chị H đồng ý trả số tiền 141.800.000 đồng cho bà T nhưng xin trả dần cho đến khi hết nợ. Việc yêu cầu trả dần của vợ chồng chị H, anh C không được bà T chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 141.800.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 29, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 16, 17, 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường; Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[3] Về tính lãi suất: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C phải chịu 7.090.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 29, 30 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 141.800.000 (*Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm nghìn*) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C phải chịu 7.090.000 (*Bảy triệu không trăm chín mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 3.545.000 (*Ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA-2021/0009345 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H, anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP-HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng